

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 28.12.2022

KHÔNG CHỮA BỆNH KHIẾN BỆNH THÀNH NAN Y
Kinh Phép Thuật Sambari (Sambarimāyāsuttam)
CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA - PHẨM THỨ BA (S. i, 238)

Tất cả việc chữa bệnh bắt đầu từ sự chấp nhận có bệnh và chịu điều trị. Vì lý do gì đó mà bệnh nhân từ chối trị liệu thì căn bệnh, dù tầm thường, cũng hoá thành nan y. Đây không phải là trường hợp hiếm hoi đơn lẻ mà hầu hết chúng sanh không nhận thức khổ đau và nhân sanh khổ nên triền miên thống khổ. Dù do chấp ngã hay chấp thủ sở y đều là nguyên nhân sâu xa khiến cho giòng sanh tử kéo dài. Mấy ai khổ lại quyết tìm con đường thoát khổ?



Kinh Văn

Sāvattiyam...pe... bhagavā etadavoca – “bhūtapubbam, bhikkhave, vepacitti asurindo ābādhiko ahoṣi dukkhito bāḷhagilāno. Atha kho bhikkhave, sakko devānamindo yena vepacitti asurindo tenupasaṅkami gilānapucchako. Addasā kho, bhikkhave, vepacitti asurindo sakkam devānamindam dūratova āgacchantam.

Tại Jetavana (Kỳ Viên), Sāvatti (Xá Vệ).

Ở đây Đức Thế Tôn nói:

-- Này các Tỷ khưu, thuở trước A tu la vương Vepacitti lâm trọng bệnh, đau đớn, thống khổ.

Này các Tỷ khưu, Thiên chủ Sakka đi đến a tu la vương hỏi thăm bệnh trạng.

Disvāna sakkam devānamindam etadavoca – ‘tikiccha maṃ devānamindā’ti. ‘Vācehi maṃ, vepacitti, sambarimāya’nti. ‘Na tāvāhaṃ vācemi, yāvāhaṃ, mārisa, asure paṭipucchāmi’”ti. “Atha kho, bhikkhave, vepacitti asurindo asure paṭipucchi – ‘vācemahaṃ, mārisā, sakkam devānamindam

sambarimāya’nti? ‘Mā kho tvaṃ, mārisa, vācesi sakkam devānamindaṃ sambarimāya’’nti. Atha kho, bhikkhave, vepacitti asurindo sakkam devānamindaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

-- Này các Tỷ khưu, Vepacitti thấy Thiên chủ Sakka từ xa đã cất tiếng:

"-- Này Thiên chủ, hãy chữa bệnh cho ta".

"-- Này Vepacitti, hãy nói tôi biết phép thuật Sambhara".

"-- Này Tôn giả, hãy chờ tôi hỏi ý các a tu la"

Rồi này các Tỷ khưu, A tu la vương Vepacitti hỏi ý kiến các a tu la :

" -- Chư liệt vị, tôi có nên nói cho Thiên chủ Sakka, phép thuật Sambhara không?"

" -- Thưa Tôn giả, Ngài không nên nói cho Thiên chủ Sakka biết phép thuật Sambhara".

Này các Tỷ khưu , A tu la vương Vepacitti nói với Thiên chủ Sakka kệ ngôn:

**“Māyāvī maghavā sakka, devarāja sujampati;
Upeti nirayaṃ ghoram, sambarova satam sama’’nti.**

“Hỡi Thiên chủ Magha
Đế Thích, chồng Sujā
Luyện phép sa địa ngục
Giống như Sambhara
Trăm năm chịu khổ hình.



maghavā sakka devarāja sujampati = hỡi Thiên chủ Đế Thích, phu quân của Sujā,
Māyāvī upeti nirayaṃ ghoram sambarova satam sama’’nti = người luyện phép thuật đi vào địa ngục thông khổ một trăm năm giống như Sambara.

(Chủ từ Māyāvī được hoán vị để phù hợp cho thích văn)



Thích nghĩa

Thông thường loài hoá sanh không có bệnh khổ như loài người nhưng A tu la vương bị khổ bệnh “thần trí điên đảo” do lời khiển trách của những đạo sĩ sống ở bờ biển (xem Kinh Ân sĩ Miền Duyên Hải). (Chương Đệ Thích, Tiểu Phẩm I, bài kinh số 10)

Sambarimāya hay phép thuật Sambarī gồm pha trộn ba thứ: huyễn thuật, ma thuật, ảo thuật. Thần lực của chư thiên do phước sanh. Các a tu la vương luyện thêm phép thuật sambarī. Đối với chư thiên hiền thiện thì đó là tà thuật. Thiên chủ Sakka hỏi để xem căn nguyên của bệnh trạng.

Theo Sớ giải các a tu la đã nói A tu la vương: “Đệ Thích không có phép thuật sambarī mà còn khiến chúng ta thất điên bát đảo, nếu có phép thuật chúng ta sẽ hoàn toàn bị đánh bại. Xin đừng vì chuyện riêng mà làm hỏng đại sự”.

Sớ giải Sambara nguyên là a tu la vương đầu tiên (ātipurisa) luyện phép thuật sambarī. A tu la vương Sambara thật sự đã sanh vào địa ngục một trăm năm (thời gian nói theo cõi tam thập tam thiên) do ác niệm chứ không phải do luyện phép thuật. A tu la vương Vepacitti muốn từ chối tiết lộ bí kíp luyện sambarī nên đã nói: “Người luyện phép thuật sambarī sau này phải sa vào địa ngục thống khổ một trăm năm tương tự như A tu la vương Sambara”.

Cũng theo Sớ giải, Thiên chủ Đệ Thích có thể trị lành bệnh cho A tu la vương bằng cách đưa đến gặp những ẩn sĩ sống dọc theo bờ biển, bấy giờ những vị này vẫn còn sống, để sám hối thì tự khắc khỏi bệnh. Nhưng do tính cố chấp (vañcitattā) của Vepacitti nên việc bất thành.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

3. Sambarimāyāsuttam [Mūla]

269. Sāvattiyam...pe... bhagavā etadavoca – “bhūtapubbam, bhikkhave, vepacitti asurindo ābādhiko aho si dukkhito bāḷhagilāno. Atha kho bhikkhave, sakko devānamindo yena vepacitti asurindo tenupasaṅkami gilānapucchako. Addasā kho, bhikkhave, vepacitti asurindo sakkam devānamindam dūratova āgacchantam. Disvāna sakkam devānamindam etadavoca – ‘tikiccha maṃ devānamindā’ti.

‘Vācehi maṃ, vepacitti, sambarimāya’nti. ‘Na tāvāhaṃ vācemi, yāvāhaṃ, mārisa, asure paṭipucchāmī’’ti. ‘‘Atha kho, bhikkhave, vepacitti asurindo asure paṭipucchi – ‘vācemahaṃ, mārisā, sakkhaṃ devānamindaṃ sambarimāya’nti? ‘Mā kho tvaṃ, mārisa, vācesi sakkhaṃ devānamindaṃ sambarimāya’’’nti. Atha kho, bhikkhave, vepacitti asurindo sakkhaṃ devānamindaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

‘‘Māyāvī maghavā sakka, devarāja sujampati;
Upeti nirayaṃ ghoram, sambarova sataṃ sama’’nti.

3. Sambarimāyāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

269. Tatiye ābādhikoti isigaṇena abhisapakāle uppannābādhena ābādhiko. **Vācehi manti** sace maṃ sambarimāyaṃ vācesi, evamahaṃ tampi tikicchissāmīti vadati. **Mā kho tvaṃ, mārisa, vācesīti** vināpi tāva sambarimāyaṃ sakko amhe bādhati, yadi pana taṃ jānissati, naṭṭhā mayaṃ, mā attano ekassa atthāya amhe nāsehīti vatvā nivārayiṃsu. **Sambarova sataṃ samanti** yathā sambaro asurindo māyāvī māyaṃ payojetvā vassasataṃ niraye pakko, evaṃ paccati. Tumhe dhammikāva, alaṃ vo māyāyāti vadati. Kiṃ pana sakko tassa kodhaṃ tikicchituṃ sakkuṇeyyāti? Āma sakkuṇeyya. Kathaṃ? Tadā kira so isigaṇo dharatiyeva, tasmā naṃ isīnaṃ santikaṃ netvā khamāpeyya, evamassa phāsu bhaveyya. Tena pana vañcitattā tathā akatvā pakkantova. Tatiyaṃ.